Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Vận tải bộ Tân cảng.

- Gói thầu: Mua mới 10 sơ mi rơ-moóc chạy ngoài năm 2025 của Công ty CP Vận tải bộ Tân cảng.

- Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Vận tải bộ Tân cảng.

- Nội dung:

STT	Danh mục hàng hóa	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Cung cấp sơ mi rơ-moóc 40 feet chở container	10	Chiếc	Loại sơ mi rơ-moóc 40 feet 3 trục chở container chạy ngoài

- Địa điểm thực hiện: Bãi xe Công ty cổ phần Vận tải bộ Tân cảng – Đường Nguyễn Thị Tư, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian thực hiện: Tối đa 30 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	**Kích thước cơ bản sơ mi rơ-moóc**	
1.1	Chiều dài	12m ≤ L≤ 12,5m
1.2	Chiều rộng	≤ 2,50m

1.3	Chiều cao	≤ 1,55m
1.4	Khoảng cách từ đầu moóc đến chốt kéo moóc	≤ 1,1m
2	**Thông số tải trọng**	
2.1	Tải trọng hàng hóa theo thiết kế	≥ 32 tấn
2.2	Tự trọng rơ moóc	≤ 6,2 tấn
3	**Thông số kết cấu**	
3.1	Dầm I moóc	Dầm I đúc nguyên khối, thép tiêu chuẩn SM490 YA/tương đương
3.2	Chốt kéo moóc	Loại **2" -** lắp bu lông hoặc hàn
3.3	Hệ thống gù khóa container	Rơ moóc được lắp đặt 12 khóa gù để cố định container khi vận chuyển và có thể vận chuyển container 20 feet đặt giữa moóc không quá tải trọng trục.
3.4	Trục rơ moóc	3 trục, mỗi trục chịu tải ≥ 13 tấn
3.5	Hệ thống treo	
3.6.1	Gối bập bênh (balance) Gối đỡ nhíp trước, sau	Loại đúc nguyên khối
3.6.2	Thanh giằng cầu	1 bên điều chỉnh được và 1 bên cố định
3.6.3	Nhíp	Nhíp lá bản rộng 100 mm
3.7	Hệ thống chân rơ-moóc	
3.7.1	Kiểu vận hành	Bằng tay
3.7.2	Chức năng	Gồm 2 chế độ nhanh và chậm

3.7.3	Khả năng chịu tải theo phương đứng	≥ 28 tấn
3.8	Hệ thống phanh	
3.8.1	Kiểu phanh	Phanh tang trống
3.8.2	Hệ thống điều khiển phanh	Khí nén, 2 đường hơi
3.8.3	Bầu phanh	06 bầu kép (phanh và lock)
3.9	Hệ thống điện	
3.9.1	Điện áp	Điện áp 24V
3.9.2	Loại đèn	LED
3.9.3	Ổ cắm điện	Loại 7 chấu theo tiêu chuẩn SAE
3.9.4	Đèn de (lùi)	Có đèn báo de (lùi)
3.10	Hệ thống khác	
3.10.1	Cản bảo vệ	Bố trí 2 bên hông moóc
3.10.2	Vè chắn bùn	Vè chắn bùn phía trước, trên và sau bánh xe
3.10.3	Logo	Sơn hoặc dán phản quang logo nhận diện thương hiệu Chủ đầu tư ở 2 bên hông moóc
4	**Lốp xe**	
4.1	Kích thước lốp	11.00-20, 12R22.5 hoặc tương đương
4.2	Số lớp bố	Tối thiểu 18PR
4.3	Mâm lốp	Loại 10 lỗ, bu lông 01 tầng

5	**Giấy chứng nhận**	Có giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của Cục đăng kiểm Việt Nam
6	**Tài liệu đính kèm**	Bản vẽ kết cấu tổng thể rơ mooc, bản vẽ hệ thống phanh khí nén, bản vẽ sơ đồ hệ thống điện.
7	**Thời gian bảo hành**	Tối thiểu 12 tháng bảo hành với rơ-mooc; 36 tháng bảo hành đối với chassis.
8	**Năm sản xuất, chất lượng**	Sản xuất năm 2025, mới 100%.

<u>Ghi chú:</u> Các nội dung yêu cầu kỹ thuật cơ bản ở bảng trên là các tiêu chí bắt buộc Nhà thầu phải đáp ứng. Trường hợp Nhà thầu không đáp ứng dù chỉ một trong các tiêu chí đó thì E-HSDT đó không đạt yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.